TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 159/2023/DS-ST
Ngày 22/8/2023
V/v *tranh chấp hợp đồng góp hụi.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN KIM NGỌC**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **PHẠM VĂN PHƯƠNG**

2. Bà **LÊ THỊ VÂN**

- Thư ký phiên tòa: Ông **MAI QUỐC KHANH** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 22 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 173/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2023 về việc: "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2023/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự.

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp H N, xã H Đ, huyện C L, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1958. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp H T, xã H Đ, huyện C L, tỉnh Tiền Giang

-*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Chị Lương Thị Mỹ P, sinh năm 1989. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H T, xã H Đ, huyện C L, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 03/4/2023 và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà H tham gia dây hụi tháng 5.000.000đ do bà Nguyễn Thị Đ làm chủ thảo, hụi khui ngày 15/10/2020 âm lịch, gồm 32 phần, bà H tham gia 1 phần, đóng được 12 kỳ (12 kỳ này bà H nhờ người quen đóng cho bà Đ) đến kỳ thứ 13 thì bà Đ nói đã sang phần hụi bà H cho người

khác, lý do bà H không đăng hụi đúng kỳ, bà H có đơn yêu cầu chính quyền ấp giải quyết, bà Đ thừa nhận bà H đóng hụi sống được 7 kỳ số tiền 35.000.000đ, bà thống nhất trừ tiền đầu thảo 500.000đ cho bà H.

Nay bà Nguyễn Thị H yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ trả cho bà số tiền 34.500.000đ làm một lần.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Bà Đ là chủ thảo hụi, bà H tham gia 02 dây hụi như sau:

+ Dây thứ 1: Dây hụi tháng 5.000.000đ khui ngày 15/10/2020 âm lịch gồm 32 phần, bà H tham gia 1 phần đóng được 7 kỳ hụi sống, (do bà H nhờ người khác đóng) do đóng không đúng kỳ nên bà Đ phải sang phần hụi này cho người khác, bà có thông báo bà H, dây hụi này trừ 500.000đ còn lại số tiền 34.500.000đ, không làm giấy tờ gì.

+ Dây thứ 02: Bà H nhờ con dâu tên Lương Thị Mỹ P tham gia chơi dùm dây hụi tháng 2.000.000đ, khui ngày 30/01/2020 âm lịch, gồm 27 phần, bà H đóng đến kỳ thứ 6, qua kỳ thứ 7 hốt số tiền 41.600.000đ (đã trừ thảo 1.000.000), đóng hụi chết 11 kỳ thì ngưng luôn, còn nợ lại 9 kỳ số tiền 18.000.000đ, dây hụi này đã mãn từ tháng 03 năm 2022, chị Lương Thị Mỹ P có làm giấy xác nhận chơi dùm cho bà H.

Khi cấn trừ 02 dây hụi này, bà còn nợ bà H số tiền 16.500.000đ

Nay bà Nguyễn Thị Đ không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, bà đồng ý trả cho bà H số tiền 16.500.000đ.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Lương Thị Mỹ P đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần để hòa giải và xét xử nhưng không ghi văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án: Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ cư trú tại xã H Đ, huyện C L, tỉnh Tiền Giang. Do đó, tranh chấp hợp đồng góp hụi thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Đ a khoản 1 Điều 35, Đ a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Lương Thị Mỹ P đã được Tòa án tống đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần để xét xử nhưng vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị P theo quy định khoản 2 điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày, bà tham gia dây hụi tháng 5.000.000đ do bà Nguyễn Thị Đ làm chủ thảo, hụi khui ngày 15/10/2020 âm lịch, gồm 32 phần, bà H tham gia 01 phần, bà nhờ người khác đóng được 12 kỳ, đến kỳ thứ 13 thì bà Đ nói do đóng hụi không đúng kỳ nên đã sang phần hụi của bà cho người khác, bà H yêu cầu chính quyền ấp giải quyết, bà Đ thừa nhận bà đóng hụi sống được 7 kỳ số tiền 35.000.000đ, bà thống nhất số tiền 35.000.000đ và đồng ý trừ tiền chủ thảo 500.000đ còn lại 34.500.000đ. Còn bà Đ cho rằng bà là chủ thảo hụi, bà H tham gia 02 dây hụi, dây hụi tháng 5.000.000đ khui ngày 15/10/2020 âm lịch gồm 32 phần, bà H tham gia 01 phần đóng được 07 kỳ hụi sống, do bà H nhờ người khác đóng không đúng kỳ nên bà sang phần hụi này cho người khác, bà có thông báo bà H, dây hụi này trừ 500.000đ tiền chủ thảo còn lại số tiền 34.500.000đ và bà H nhờ con dâu tên Lương Thị Mỹ P tham gia chơi giùm dây hụi tháng 2.000.000đ, khui ngày 30/01/2020 âm lịch, gồm 27 phần, đóng đến kỳ thứ 6, qua kỳ thứ 7 hốt số tiền 41.600.000đ (đã trừ thảo 1.000.000đ), đóng hụi chết 11 kỳ thì ngưng luôn, còn nợ lại 9 kỳ số tiền 18.000.000đ, dây hụi này đã mãn từ tháng 03 năm 2022, chị P có làm giấy xác nhận chơi dùm cho bà H, sau khi cấn trừ bà còn nợ bà H số tiền 16.500.000đ, tại phiên tòa chị P vắng mặt không lý do. Xét thấy, quan hệ tranh chấp "hợp đồng góp hụi" đã thật sự phát sinh theo quy định Điều 471 của Bộ luật dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ trả số tiền nợ hụi là 34.500.000đ. Tại phiên tòa hôm nay bà Đ cũng thừa nhận nợ bà H số tiền 34.500.000đ, tuy nhiên bà Đ cho rằng, chị Lương Thị Mỹ P là con dâu bà H có có làm giấy xác nhận tham gia chơi giùm bà H dây hụi tháng 2.000.000đ khui ngày 30/01/2020 âm lịch, dây này chị P đã hốt còn nợ lại 9 kỳ hụi chết số tiền 18.000.000đ, sau khi cấn trừ 02 phần hụi này đồng ý trả lại bà H số tiền 16.500.000đ, bà H không thừa nhận và không đồng ý, còn chị P mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập mời hòa giải xét xử nhiều lần nhưng cố tình vắng, mặt xem như tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền và lợi ích được pháp luật quy định, ngoài ra Tòa án đã quy định thời gian cho các đương sự cung cấp chứng cứ nếu có yêu cầu thì phải làm đơn theo quy định nhưng đến nay các đương sự không thực hiện, do đó giữa bà Đ và chị P nếu có phát sinh giao dịch

liên quan đến hợp đồng góp hụi thì bà Đ có quyền khởi kiện chị P theo quy định. Từ nhận định trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà H là có cơ sở phù hợp quy định tại Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.725.000đ do bà Đ là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên được miễn nộp án phí. Đối với bà Nguyễn Thị H sinh năm 1962 là người cao tuổi, có đơn xin miễn tạm ứng án phí, nên được miễn toàn bộ tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Đ a khoản 1 Điều 35; Đ a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 2 điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 23 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ, Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H

Buộc bà Nguyễn Thị Đ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 34.500.000đ (ba mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 1.725.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, bà Đ là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Tiền Giang;*
- *VKSND huyện Cai Lậy;*
- *Chi Cục THADS huyện Cai Lậy;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Kim Ngọc

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY, TỈNHTIỀNGIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: …../2023/DSST	*Cai Lậy, ngày 22 tháng 8 năm 2023*

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY

* Với thành phần Hội đồng xét xử:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Ngọc.**
- Các Hội thẩm:

1- Ông **Phạm Văn Phương**

2- Bà **Lê Thị Vân**

Vào hồi . . . . . giờ . . . . . ngày 22 tháng 8 năm 2023, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số 173/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962. (có mặt)
Địa chỉ: Ấp Hiệp Nhơn, xã Hiệp Đức, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.
- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1957. (có mặt)
Địa chỉ: Ấp H T, xã H Đ, huyện C L, tỉnh Tiền Giang
-*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*
Chị Lương Thị Mỹ P, sinh năm 1989. (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp H T, xã H Đ, huyện C L, tỉnh Tiền Giang

Sau khi xem xét các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án như sau:

I. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: + Kết quả biểu quyết: 3/3.

"*Hợp đồng góp hụi".*

II. Về điều luật áp dụng: + Kết quả biểu quyết: 3/3.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Đ a khoản 1 Điều 35; Đ a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 2 điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 23 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ, Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

III. Về nội dung: + Kết quả biểu quyết: 3/3.

Xử

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H

Buộc bà Nguyễn Thị Đ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 34.500.000đ (ba mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 1.725.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, bà Đ là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁM–CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ